

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THANH XUÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **05/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 27/02/2019

*V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hồng Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chu Thị Tuyết

2. Ông Đỗ Quang Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Phương Ánh Nguyệt

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 268/2018/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2016 về việc “xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 361/2018/QĐXX- HNĐG ngày 20 tháng 12 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11/01/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29/01/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Minh Th., sinh năm 1968; HKTT và chỗ ở: số 14, ngách 392/33 phố B., phường B., quận Hai Bà Trưng, Hà Nội; (có mặt)

2. *Bị đơn*: Bà Đào Kim Th., sinh năm 1970; HKTT: Số 14, ngách 392/33 phố B., phường B., quận Hai Bà Trưng, Hà Nội; *Chỗ ở cuối cùng*: số 96, ngõ 30, tổ 13, phố Phố Ph., phường Ph2., quận Thanh Xuân, , thành phố Hà Nội (vắng mặt) .

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Th.: Luật sư Hoàng Ngọc Biên – Văn phòng Luật sư Cát Tường.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 24 tháng 06 năm 2016, ông Lê Minh Th. có đơn khởi kiện vụ án hôn nhân và gia đình, yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Ông Lê Minh Th. xin ly hôn với bà Đào Kim Th.

Về nuôi con chung: Ông bà có 02 con chung là cháu Lê Minh Th2., sinh ngày 28 tháng 4 năm 1997 và cháu Lê Quang H. sinh ngày 15 tháng 02 năm 2006. Nay ly hôn, ông Th. xin được nuôi dưỡng cháu Lê Quang H., còn cháu Lê Minh Th2. đã trên 18 tuổi việc cháu ở với ai là quyền của cháu.

+ Về tài sản, nhà ở, vay nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã xuất trình các tài liệu, chứng cứ sau:

1- 01 Giấy chứng nhận kết hôn do UBND thị trấn Sài Đồng, huyện Gia Lâm, Hà Nội cấp (bản chính).

2- Bản sao Giấy khai sinh của con chung

3- Bản sao sổ khẩu gia đình

4- Biên bản xác minh nơi cư trú của bà Th.;

5- Giấy xác nhận tình trạng chung sống vợ chồng

Quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn - ông Lê Minh Th. trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Đào Kim Th. có đăng kết hôn tự nguyện ngày 03/01/1997 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Sài Đồng, huyện Gia

Lâm, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại số 14, ngách 392/33 phố B., phường B., quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Vợ chồng hạnh phúc đến tháng 06 năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hoà hợp, không có tiếng nói chung, vợ chồng không chia sẻ khó khăn trong cuộc sống. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2008 cho đến nay. Năm 2008, bà Th. đã bế con trai Lê Minh Huy đến nhà bà ngoại ở số 96, ngõ 30, tổ 13, phố Phố Ph., phường Ph2., quận Thanh Xuân, Hà Nội ở, đến năm 2010 thì bà Th. mang cháu H. về cho ông và ông nuôi cả hai cháu, năm cháu Th2. học lớp 9 thì bà Th. mang cháu Th2. đi từ đó cho đến nay. Bà Th. vẫn về thăm con nhưng không cho ông biết chỗ ở hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, không có cơ hội đoàn tụ nên ông đề nghị toà cho ông xin ly hôn với bà Đào Kim Th..

Về con chung: Vợ chồng ông bà có 02 con chung là cháu Lê Minh Th2., sinh ngày 28 tháng 4 năm 1997 và cháu Lê Quang H. sinh ngày 15 tháng 02 năm 2006. Nay ly hôn, ông xin được nuôi dưỡng cháu Lê Quang H., còn cháu Lê Minh Th2. đã trên 18 tuổi việc cháu ở với ai là quyền của cháu, hơn nữa từ năm 2016 đến nay khi bà Th. và cháu Th2. không ở tại gia đình ông, còn cháu H. hiện do ông nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông không yêu cầu bà Th. phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Ông bà không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 30/8/2016, bà Th. trình bày: Ông Th. khởi kiện xin ly hôn, bà không đồng ý do bà đang mắc bệnh hiểm nghèo, phải cắt bỏ tuyến giáp và đi chữa liên tục, ông Th. không quan tâm chăm sóc bà, vợ chồng ông bà sống đã ly thân từ lâu, mỗi người một nơi.

Về con chung: Vợ chồng ông bà có 02 con chung là: Lê Minh Th2., sinh ngày 28 tháng 4 năm 1997 và Lê Quang H. sinh ngày 15 tháng 02 năm 2006. Từ năm 2011, cháu Th2. bị bệnh nặng nên bà phải nhờ bà Trịnh Thị B. (là em gái mẹ bà Th.) nuôi cháu đến nay tại phòng 96, ngõ 30, tổ 13, phố Phố Ph., phường Ph2., quận Thanh Xuân, Hà Nội. Do không đồng ý ly hôn nên bà không có ý kiến gì về con chung. Thời gian vợ chồng ông bà sống ly thân, bà vẫn nuôi cháu Th2. còn cháu Lê Quang H. ở với ông Th., bà vẫn đến thăm cháu thường xuyên.

Về tài sản chung: không có và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay,

Ông Th. có mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bà Th. vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Mâu thuẫn giữa ông Th. và bà Th. là vô cùng trầm trọng, không có cơ hội hàn gắn, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Th. được ly hôn với bà Th.; Về con chung: Giao cháu Lê Quang H. cho ông Th. nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không xét; Về tài sản chung: hai bên không yêu cầu giải quyết, về công nợ chung: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Nguyên đơn, có mặt là tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Th. không đồng ý để Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân giải quyết vì cho rằng nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của bà Th. tại: Số 14, ngách 392/33 phố B., quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Khi Tòa yêu cầu bà Th. cung cấp tài liệu, chứng cứ xác thực về địa chỉ cư trú hiện nay, bà Th. không giao nộp. Tại biên bản xác minh lập ngày 09/01/2018, công an phường B., quận Hai bà Trưng xác nhận “ *bà Đào Kim Th. đã đi khỏi địa phương khoảng từ năm 2009*”. Cùng với đó, tại biên bản xác minh ngày 02/6/2016, công an phường Ph2., quận Thanh Xuân, Hà Nội xác nhận: Bà Đào Kim Th. cùng con là Lê Minh Th2. hiện đang tạm trú tại: Số 96, ngõ 30, Phố Ph., Phường Ph2., Thanh Xuân, Hà Nội. Theo biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 30/8/2016, bà Th. vẫn cố tình không nộp tài liệu chứng cứ xác nhận nơi cư trú của bà và không cung cấp cho Tòa biết địa điểm nơi mình sinh sống khi thay đổi địa chỉ.

Ngày 08/01/2018, Tòa án đã tiến hành xác minh tại Công an phường Ph2., quận Thanh Xuân, Hà Nội: Công an cho biết bà Đào Kim Th. không còn sinh sống tại địa chỉ số 96, ngõ 30, Phố Ph., phường Ph2., quận Thanh Xuân, Hà Nội từ khoảng tháng 4/2017.

Qua đó thể hiện Bị đơn cố tình giấu địa chỉ; vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

Tại đơn xin ly hôn; đăng ký kết hôn, chứng minh thư của bà Đào Kim Th. ghi: Đào Kim Th. sinh ngày 12/8/1971. Tuy nhiên, tại sổ hộ khẩu có ghi nội dung đính chính lại năm sinh của bà Đào Kim Th. như sau: Đào Kim Th., sinh ngày 12.4.1970 (theo khai sinh đăng ký lại). Theo Chứng minh

nhân dân cấp ngày 10/6/2008 và thẻ bảo hiểm y tế cấp ngày 04/01/2012 của bà Đào Kim Th. cũng ghi ngày tháng năm sinh của bà Đào Kim Th. là 12/4/1970. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận ngày, tháng, năm sinh của bà Th. là ngày 12/4/1970.

2. *Về nội dung:* Hôn nhân giữa ông Th. và bà Th. trên cơ sở có tình cảm, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Thời gian chung sống của vợ chồng hạnh phúc trong thời gian đầu, sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không ai còn quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết ông Th. xin ly hôn bà Th. không đồng ý vì cho rằng bà đang ốm đau thì ông Th. xin ly hôn, không quan tâm chăm sóc bà, mặc dù bà Th. thừa nhận vợ chồng sống ly thân từ lâu, bà không ở cùng ông Th. và cháu H., kinh tế độc lập. Bà Th. cho rằng hiện sức khỏe yếu do hai lần phải mổ tuyến giáp nên không đồng ý ly hôn, nhưng không có thiện chí để cải thiện quan hệ vợ chồng, cố tình dấu diếm chỉ không cho ông Th. và Tòa án biết..

Xét thấy: Tình trạng hôn nhân giữa ông Th. và bà Th. đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, hai vợ chồng không có cơ hội hàn gắn, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Lê Minh Th. được ly hôn bà Đào Kim Th. .

3. *Về con chung:* Hai vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Minh Th2., sinh ngày 28 tháng 4 năm 1997 và cháu Lê Quang H. sinh ngày 15 tháng 02 năm 2006. Quá trình giải quyết vụ án, ông Th. và bà Th. thừa nhận: Bà Th. hiện đang nuôi cháu Th2., ông Th. nuôi cháu H., cháu H. có đơn xin ở với ông Th. để đảm bảo việc học tập ổn định của cháu nên giao cháu H.

cho ông Th. tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Do cháu Th2. đã trên 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Th. không yêu cầu về cấp dưỡng con chung, bà Th. không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét,

4. *Về tài sản chung và công nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. *Về án phí*: Ông Th. phải nộp 200.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều e, khoản 1 Điều 192; Điều 147 khoản 4, Điều 238 Điều 271, Điều 272 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 56; Điều 58; Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Xử :

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Lê Minh Th. đối với bà Đào Kim Th., ông Th. được ly hôn với bà Đào Kim Th..

2. Về con chung: Ông bà có hai con chung là: Lê Minh Th2., sinh ngày 28 tháng 4 năm 1997 và cháu Lê Quang H. sinh ngày 15 tháng 02 năm 2006.

Giao con chung Lê Quang H., sinh ngày 15 tháng 02 năm 2006 cho ông Th. trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Con chung Lê Minh Th2. đã đủ tuổi trưởng thành nên việc ở với ai do anh tự quyết định.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho bà Đào Kim Th. cho đến khi ông Th. có yêu cầu hoặc khi có sự thay đổi khác. Bà Th. có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Ông Th. phải nộp 200.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ 200.000 đồng ông Th. đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án

phí số 0007504 ngày 13/7/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân).

4. Án xử công khai sơ thẩm. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân;
- Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lưu Thị Hồng Vân